

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**
Bản án số: 30/2017/DS-PT
Ngày: 26.7.2017
V/v: “*Tranh chấp hui, biêu*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Anh**

Các thẩm phán: Ông **Ngô Hà Nam**

Bà **Nguyễn Thị Hạnh**

-Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Tuyết Mai** – Thư ký Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà **Nguyễn Thị Trâm** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2017/TLPT-DS ngày 03 tháng 4 năm 2017 về “*Tranh chấp hui, biêu*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐ-PT ngày 2 tháng 6 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 33b/2017/QĐ-PT ngày 30 tháng 06 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Mỹ L**; sinh năm 1977; Nơi ĐKNKTT: Tổ 18 Phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; Tạm trú: 259 P, phường H, quận C, Tp Đà Nẵng có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Hồng N**; sinh năm 1961; Nơi ĐKNKTT: 17 H, phường T, quận C, Tp Đà Nẵng; Tạm trú: Lô D17, tổ 06 khu Nam C, thôn M, xã H, huyện H.

3. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Phan Thị Thanh T**, sinh năm 1976; Trú tại: Tổ 7A, phường H, quận C, Tp Đà Nẵng. (vắng mặt)

2. Bà **Đoàn Thị Ngọc H**, sinh năm 1977; Trú tại: 579 T, Tp Đà Nẵng. (vắng mặt)

3. Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1978; Trú tại: Tổ 36B, phường H, quận C, Tp Đà Nẵng. (vắng mặt)

4. Ông **Trần Nam D**, sinh năm 1973; Trú tại: 23/8 N, quận C, Tp Đà Nẵng. (vắng mặt)

5. Bà **Tạ Thị Bích T**, sinh năm 1991; Trú tại: 89 C, phường H, quận C, Tp Đà Nẵng. (vắng mặt)
6. Bà **Phạm Thị Quỳnh N**, sinh năm 1991; Trú tại: H73/16/k356 H, Tp Đà Nẵng. (vắng mặt)
7. Bà **Nguyễn Thị Thùy O**, sinh năm 1973 và bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1975; Cùng trú tại: Lô A156 P, Tp Đà Nẵng. (vắng mặt)
8. Bà **Võ Thị Hồng V**, sinh năm 1973; Trú tại: Tổ 17, phường H, quận C, Tp Đà Nẵng. (vắng mặt)
9. Bà **Phạm Huyền Bội G**, sinh năm 1969; Trú tại: Tổ 19, phường H, quận C, Tp Đà Nẵng. (vắng mặt)
11. Bà **Trần Thị Kim C**, sinh năm 1956; Trú tại: Tổ 27, phường H, quận C, Tp Đà Nẵng. (vắng mặt)
12. Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1966; Trú tại: 440 Phạm H, huyện H, Tp Đà Nẵng. (vắng mặt)
13. Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1965; Trú tại: 48 B, phường H, quận C, Tp Đà Nẵng. (vắng mặt)
14. Bà **Phạm Thị Xuân H**, sinh năm 1970; Trú tại: Tổ 13, phường H, quận C, Tp Đà Nẵng. (vắng mặt)
15. Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1979; Trú tại: Tổ 2A, phường H, quận C, Tp Đà Nẵng. (vắng mặt)
16. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1979; Trú tại: 314 P, Tp Đà Nẵng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L trình bày:

Do ở gần nhà nên bà N sang nhà lần quen và tạo tình cảm với tôi rồi nhờ tôi cho chơi biêu với anh chị em trong cơ quan tôi. Tôi làm chủ 02 kỳ biêu của anh chị em cùng cơ quan; trong đó có 01 kỳ biêu 19 chân biêu và 01 kỳ biêu 22 chân biêu. Trong quá trình chơi chung với nhau tại cơ quan tôi thì bà N không làm đúng cam kết khi tham gia chơi 02 kỳ biêu do tôi làm chủ cái. Tôi phải tự mình nộp tiền trả hết cho anh chị em cơ quan ngay sau khi kết thúc 02 kỳ biêu trên và sau đó tôi đến đòi tiền biêu thì bà N không trả cho tôi. Nhưng bà N còn có hành vi gian dối tố cáo tôi khắp nơi rằng là “tôi lấy cắp giày của bà và khiếu nại lên cơ quan tôi cũng như các đoàn thể khác”. Do nhận được đơn của bà N cho nên cơ quan nơi tôi công tác là trường tiểu học T tôi mời bà N lên nói chuyện để xác định nội dung sự việc. Đại diện lãnh đạo cơ quan cũng là anh chị em trong nhóm biêu mời bà đến giải quyết sự

việc vào ngày 23/5/2015 tại Trường tiểu học T. Tại buổi làm việc bà N thừa nhận có tham gia hai kỳ biêu do tôi làm chủ cái;

Kỳ biêu 19 chân mở ngày 10/9/2014 thì bà N tham gia chơi 03 chân biêu. Tổng cộng số tiền bà N phải nộp là 114.000.000 đồng; số tiền nợ lại là 48.000.000 đồng.

Kỳ biêu 22 chân mở ngày 05 tháng 12 năm 2014 thì bà N nợ tôi 04 tháng biêu của kỳ biêu 22 chân là 16.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bà N còn nợ 02 kỳ biêu do tôi làm chủ là 48.000.000đ + 16.000.000đ = 64.000.000 đồng.

- Nay Tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Hồng N phải trả cho Tôi số tiền 64.000.000đ; Tôi không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, tôi còn tham gia chơi với bà N 02 kỳ biêu do bà N làm cái nhưng không có chứng cứ nên tôi không khởi kiện bà N được.

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Theo biên bản trình bày gửi lên trường tiểu học T của bà N ngày 26/4/2016, tôi thừa nhận có chơi hai chân biêu do bà L làm cái tại trường tiểu học T và bà L cũng chơi với tôi hai chân biêu do tôi làm cái. Mục đích để khấu trừ tiền tôi vay của bà L; bà L không đóng tiền cho tôi mà bà L lấy tiền biêu trừ vào tiền của tôi vay bà L là 03 lần tôi đưa:

Lần 1: 32.000.000 đồng, bà L chết 5 phần, bà L không đóng cho tôi với 1.000.000 đồng tiền lãi bà L phải chịu cho con, tổng cộng 5 phần biêu là 15.000.000 đồng và 1.000.000 đồng tiền lãi là 16.000.000 đồng. Tổng cộng 48.000.000 đồng của bà L lấy của tôi.

Lần 2: Tôi đưa cho bà L là 23.000.000 đồng.

Lần 3: Tôi đưa cho bà L là 16.000.000 đồng.

Lần 4: bà L lấy của 3 người là cô M 5.000.000 đồng, cô L 2.000.000 đồng, V 8.000.000 đồng. Tổng cộng 15.000.000 đồng.

Tổng số tiền tôi đã trả cho bà L là:

Lần 1: 102.000.000 đồng. Đây là số tiền biêu bà L chơi biêu của tôi làm chủ nhưng bà L không đóng đồng nào. Biêu này do tôi làm chủ.

Lần 2: 66.000.000 đồng.

Lần 3: 13.000.000 đồng

Tổng cộng là 181.000.000 đồng.

Tiền biêu tôi nợ 64.000.000 đồng, tôi chơi bà L 5 chân biêu, một phần là 2.000.000 đồng mà 19 phần chơi tổng cộng 38.000.000 đồng. 3 phần biêu bà L lấy

hết, tổng cộng tôi đóng cho bà L 66.000.000 đồng còn nợ lại là 48.000.000 đồng. Bà L lấy hết hoàn toàn không đưa tôi đồng nào.

Đối với 2 phần biếu sau, một phần biếu 2.000.000 đồng có 22 người chơi, tổng cộng tôi chơi 2 phần là 88.000.000 đồng. Bà L hốt hết chỉ đưa cho tôi 29.600.000 đồng.

Nay bà L kiện tôi thì tôi không chấp nhận vì tôi đã trả hết số tiền biếu cho bà L.

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị Thanh T; Bà Đoàn Thị Ngọc H; Bà Lê Thị T; Ông Trần Nam D; Bà Tạ Thị Bích T; Bà Phạm Thị Quỳnh N; Bà Nguyễn Thị Thùy O; Bà Võ Thị Hồng V; Bà Phạm Huyền Bội G; Bà Trần Thị Kim C; Bà Nguyễn Thị V; Bà Phạm Thị H; Bà Phạm Thị Xuân H; Bà Huỳnh Thị T và bà Nguyễn Thị T mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm những người này trình bày họ là những người cùng tham gia trong hai kỳ biếu do bà L làm chủ cái có đơn trình bày trong quá trình tiến hành tố tụng triệu tập tham gia cung cấp chứng cứ, hòa giải và đối chất nhưng tất cả mọi người xin giải quyết vắng mặt và đề nghị rằng việc chơi hai kỳ biếu trên đã kết thúc và bà L đã trả hết số tiền biếu cho mọi người đúng hẹn mặc dù nghe bà L nói bà N nợ tiền biếu nhưng bà L vẫn chông đủ số tiền biếu cho tất cả mọi người. Cho nên, không ai có ý kiến gì đối với bà L và đề nghị Tòa án buộc bà N phải trả cho bà L toàn bộ số tiền nợ biếu.

Với nội dung trên, án sơ thẩm đã tuyên xử và quyết định:

Áp dụng Điều 474, 479 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, họ, hui, biếu, phường.

Pháp lệnh về lệ phí, án phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu đòi tiền của bà Trần Thị Mỹ L đối với bà Nguyễn Thị Hồng N.

Xử buộc bà Nguyễn Thị Hồng N phải thanh toán cho bà Trần Thị Mỹ L số tiền 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng).

2. Kể từ ngày bà Trần Thị Mỹ L có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Hồng N chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ như quyết định trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Án phí dân sự sơ thẩm 3.200.000 đồng bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu.

Bà Trần Thị Mỹ L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.600.000 đồng theo biên lai thu số 008256 ngày 07/7/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 6/3/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn kháng cáo với nội dung sau: Kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 72016/DS-ST ngày 20/2/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, TP Đà Nẵng và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết công bằng, đúng người, đúng tội và cấp sơ thẩm đã tách thành 02 vụ án riêng biệt trong một chuỗi quan hệ biểu hui mà đến nay chưa dứt điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Nguyễn Thị Hồng N và bà Trần Thị Mỹ L thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

- Về khoản nợ: Bà Nguyễn Thị Hồng N sẽ có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Mỹ L số tiền: 25.000.000đ vào ngày 15/12/2017 (*hai mươi lăm triệu đồng*)

Xét thỏa thuận của đương sự về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 477, 479 của Bộ Luật dân sự năm 2005;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 20/2/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, TP Đà Nẵng;

2. Công nhận thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

- Bà Nguyễn Thị Hồng N sẽ có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Mỹ L số tiền: 25.000.000đ (*hai mươi lăm triệu đồng*) vào ngày 15/12/2017;

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng N tự nguyện chịu số tiền 1.250.000 đồng (*một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*);

4. Án phí Dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*);

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, quyền thoả thuận việc thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP ĐN;
- VKSND huyện H, ĐN
- TAND huyện H, ĐN;
- Chi cục THADS huyện H, ĐN;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tấn Anh

